TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **191**/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận H, ngày 28 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **744**/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** giữa:

- ***Nguyên đơn***: Ông **Nguyễn Thanh T** - sinh năm 1990; HKTT: Số 127 phố Đ, phường T, quận H, thành phố H.

- ***Bị đơn***: Bà **Trần Vũ Hoàng L** - sinh năm 1993; HKTT: Số 127 phố Đ, phường T, quận H, thành phố H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Vũ Hoàng L.

Giấy chứng nhận kết hôn số **14** ngày 08/02/2017 do UBND phường T, quận H, thành phố H cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Vũ Hoàng L không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác nhận ông T và bà L có 01 con chung là **Nguyễn Hàn D** - sinh ngày 15/01/2020 (Nữ). Sau khi ly hôn, bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà L số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*)/ tháng, kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Ông T có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Các đương sự xác nhận không vay nợ chung của ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Ông T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm và số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí về cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2020/**0013090** ngày 22/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường T, quận H, TP H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng P